

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAM RANH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HSST**

Ngày: 17/01/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Dư

Ông Lê Xuân Hoàng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:*** Bà Đậu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C – tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2021/HSST ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021. Vụ án được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm về phần dân sự, án phí dân sự và biện pháp tư pháp do bị hủy theo Bản án hình sự phúc thẩm số 55/2020/HS-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**Những người tham gia tố tụng gồm có:**

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã CL. Địa chỉ: Thôn NN, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ngân hàng TMCP SG – Chi nhánh C. Địa chỉ: 242 C, phường PNL, Quận 1, Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa

3. Ông Trần Đại V. Nơi cư trú: 102, LHP, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa

4. Ông Phạm Thái Ch, bà Phạm Thị B. Nơi cư trú: Thôn BL, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa

5. Bà Nguyễn Thị Bích S – Sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố PT, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa

6. Bà Bùi Viết Thủy T– Sinh năm: 1967. Nơi cư trú: 92 Nguyễn Hữu C, phường 22, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa

7. Ông Võ A và bà Huỳnh Thị. Nơi cư trú: Thôn VT1, xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1946 và ông Trương B (chết). Nơi cư trú: Thôn BL, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương B:

- Ông Trương Văn T – 1960. Vắng mặt

- Bà Trương Thị Đ – Sinh năm: 1961. Có mặt

- Bà Trương Thị Gái L – Sinh năm: 1970. Có mặt.

- Bà Trương Thị Gái Nh - Sinh năm: 1971. Vắng mặt

- Ông Trương Văn Th – Sinh năm: 1977. Vắng mặt

- Bà Trương Thị Hồng H – Sinh năm: 1984. Vắng mặt

- Ông Trương Văn Th – Sinh năm: 1985. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn BL, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Trương Thị Gái B – Sinh năm: 1975. Có mặt.

- Bà Trương Thị Ng - Sinh năm: 1979. Vắng mặt

Cùng cư trú: Tổ dân phố PX, phường CPN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

9. Bà Nguyễn Thị R - sinh năm: 1951. Nơi cư trú: Thôn BL, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

10. Ông Bùi Thanh T và bà Nguyễn Thị T. Nơi cư trú: Tổ dân phố KC1, phường BN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tr– Sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1166/60/35 Quốc lộ 1A, phường TTA, BT, Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 5421/28 SVH, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Ông Ngô Minh Ch và bà Hồ Thị Ch. Nơi cư trú: Tổ dân phố TH, phường CT, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Minh Ch: Bà Nguyễn Thị Tr – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1166/60/35 Quốc lộ 1A, phường TTA, BT, Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 5421/28 SVH, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Ông Ngô Quốc A và bà Hồ Thị L. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Quốc A: Bà Nguyễn Thị Tr – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1166/60/35 Quốc lộ 1A, phường TTA, BT, Tp. Hồ Chí Minh. Địa

chỉ liên lạc: 5421/28 SVH, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Ông Võ Đông Ph. Nơi cư trú: Thôn NN, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Ông Hồ Văn S và bà Nguyễn Thị N. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tr – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1166/60/35 Quốc lộ 1A, phường TTA, BT, Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 5421/28 SVH, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

15. Ông Võ Đình H và bà Nguyễn Thị T. Nơi cư trú: Thôn BL, xã CL thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

16. Ông Nguyễn Đình Â và bà Nguyễn Thị Trang Nh. Nơi cư trú: TDP LT, phường CL, thành phố C, Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

17. Ông Hồ Ngọc Bảo Th, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: 399/9 N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

18. Ông Đoàn Minh H sinh năm: 1959. Nơi cư trú: 47/7 N, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

19. Ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: 181 L, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

20. Ông Nguyễn Phước Th, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: 136/43, Tr, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

21. Ông Lâm An D, nơi cư trú: 99 C, phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Thị Tr – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1166/60/35 Quốc lộ X, phường TT, BT, Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 5421/28 S, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Lý Thu D, sinh năm 1995; nơi cư trú: D15.02 Cao Ốc X, TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

22. Công ty Mua bán nợ M. Nơi cư trú: 99 C, phường 12, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

23. Ông Bùi Thanh Ph, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn Nước Ngọt, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

24. Ông Lâm Điền Ph1, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn Nước Ngọt, xã CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/12/2008 đến ngày 28/02/2011, bị cáo Lâm Điền Ph1 giữ chức danh cán bộ địa chính xã CL, bị cáo Bùi Thanh Ph giữ chức vụ chủ tịch UBND xã CL, chủ tịch Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã CL đã thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ, cụ thể bị cáo Lâm Điền Ph1 khi xác lập 10 bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của 08 hộ gia đình chỉ căn cứ vào đơn tự kê khai diện tích đất sử dụng của dân, không kiểm tra thực địa, xác minh nguồn gốc sử dụng đất, lồng ghép bản đồ lâm nghiệp đã ký xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của 08 hộ dân nêu trên; bị cáo Bùi Thanh Ph thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi kiểm tra tính pháp lý của các hồ sơ do cán bộ địa chính xã xác lập đã ký xác nhận 11 hồ sơ của 09 hộ dân (trong đó có 01 hồ sơ không được thông qua Hội đồng tư vấn họp xét) để đề nghị UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 98.677 m<sup>2</sup> thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 424.073.200 đồng, cụ thể như sau:

1. Ông Trương B và bà Nguyễn Thị Nh: được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 64 (diện tích 7.821,2 m<sup>2</sup>) và 65 (diện tích 3.261,5 m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 06 tại thôn BL, xã CL, Tp. C. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 6.350,9m<sup>2</sup> (gồm có 3.597,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 64 và 2.753,1 m<sup>2</sup> thửa đất số 65).

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B bà Nh đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa số 64) cho bà Bùi Viết Thủy T với giá 250.000.000 đồng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa số 65) cho ông Phạm Thái Ch và bà Phạm Thị B với giá 45.000.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị R : được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 282 (13.017,2 m<sup>2</sup>) và 285 (diện tích 20.015m<sup>2</sup>), tờ bản đồ lâm nghiệp số 01, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 5.788,7m<sup>2</sup> (gồm có 892m<sup>2</sup> thuộc thửa số 282 và 4.896,7m<sup>2</sup> thửa đất số 65).

3. Ông Võ A và bà Huỳnh Thị H : được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn Nước Ngọt, xã CL, C với diện tích 474,6 m<sup>2</sup> đều thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông A bà Hằng đã chuyển nhượng lại cho ông Trần Đại V năm 2011 với giá 20.000.000 đồng. Ông V tiếp tục chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Bích S năm 2013.

4. Ông Bùi Thanh T và bà Hồ Thị T : được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C với diện tích 48.491,8 m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 30.058,8m<sup>2</sup>

Ông Bùi Thanh T và bà Hồ Thị T đã chuyển nhượng lô đất trên cho ông Lâm An D với giá 9.800.000.000 đồng.

5. Ông Ngô Minh Ch và bà Hồ Thị Ch : được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C với diện tích 36.262,5 m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 28.325,5m<sup>2</sup>.

Ông Ngô Minh Ch và bà Hồ Thị Ch đã chuyển nhượng lô đất trên cho ông Lâm An D với giá 8.500.000.000 đồng.

6. Ông Ngô Quốc A và bà Hồ Thị L : được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C với diện tích 41.812,5m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 8.512,8m<sup>2</sup>.

Ông Ngô Quốc A và bà Hồ Thị L đã chuyển nhượng lô đất trên cho ông Lâm An D với giá 16.000.000.000 đồng.

7. Ông Hồ Văn S và bà Nguyễn Thị N: được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C với diện tích 38.383,9m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 13.015,9m<sup>2</sup>.

Ông Hồ Văn S và bà Nguyễn Thị N đã chuyển nhượng lô đất trên cho ông Lâm An D với giá 16.000.000.000 đồng.

*Sau khi nhận chuyển nhượng 04 lô đất trên, ông Lâm An D đã tại Ngân hàng thương mại cổ phần S để đảm bảo khoản vay của Công ty cổ phần V. Vì khoản nợ đã quá hạn nên ngày 09/11/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã bán khoản nợ trên cho Công ty TNHH Mua bán nợ M(nay là Công ty CP M)). Ngày 30/01/2018, Công ty CP M bán lại các khoản nợ trên lại cho Công ty cổ phần V.*

8. Ông Võ Đình H và bà Nguyễn Thị T: được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C với diện tích 19.286,1 m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL là 2.536.6m<sup>2</sup>.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, ông Hùng bà T đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hồ Ngọc Bảo Th, ông Đoàn Minh H và ông Nguyễn Đăng Kh với số tiền 250.000.000 đồng.

9. Ông Nguyễn Đình A và bà Nguyễn Thị Trang Nh: được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: thôn BL, xã CL, C với diện tích 3.614,2m<sup>2</sup>, toàn bộ thuộc diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL.

Ngày 08/5/2015, UBND Thành phố C đã ban hành các quyết định hủy các giấy chứng nhận đã cấp cho 09 trường hợp trên của các ông bà: Nguyễn Đình A và bà Nguyễn Thị Trang Nh, Võ Đình H và bà Nguyễn Thị T, Hồ Văn S và bà

Nguyễn Thị N, Ngô Quốc A và bà Hồ Thị L, Ngô Minh Ch và bà Hồ Thị Ch, Bùi Thanh T và bà Hồ Thị T, Võ A và bà Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị R, Trương B và bà Nguyễn Thị Nh.

Tại bản án số 42/2019/HSST ngày 12/9/2019, Tòa án nhân dân Thành phố C đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Phần quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh Ph và Lâm Điền Ph1 phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”

- Xử phạt: bị cáo Bùi Thanh Ph 01 (Một) năm tù, bị cáo Lâm Điền Ph1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, dân sự và án phí.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 55/2020/HS-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Sửa một phần án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Bùi Thanh Ph 09 (chín) tháng tù, bị cáo Lâm Điền Ph1 01 (một) năm tù.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung kiến nghị UBND Thành phố ban hành quyết định thu hồi diện tích đất đã bị hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Đình A và bà Nguyễn Thị Trang Nh, các quyết định về phần dân sự, án phí dân sự và biện pháp tư pháp. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường cho nhà nước của ông Võ Đông Phương, Bùi Thanh Ph và Lâm Điền Ph1 như sau:

+ Ông Võ Đông Ph2 bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, ông Ph2 đã nộp đủ số tiền này.

+ Ông Bùi Thanh Ph bồi thường 211.920.000 đồng, ông Ph đã nộp đủ số tiền này.

+ Ông Lâm Điền Ph1 bồi thường 203.162.000 đồng, ông Phúc đã nộp đủ số tiền này.

Các yêu cầu về phần dân sự liên quan đến những người có quyền lợi, liên quan khác để giải quyết thành vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa ông Bùi Thanh Ph đồng ý bồi thường cho nhà nước số tiền 211.920.000 đồng, khấu trừ vào số tiền ông đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần 2. Nhưng sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Đối với hành vi phạm tội của Bùi Thanh Ph và Lâm Điền Ph1 đã được kết án tại bản án hình sự phúc thẩm số 55/2020/HS-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Theo nội dung bản án phúc thẩm đã kết luận hành vi phạm tội của Bùi Thanh Ph và Lâm Điền Ph1 như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/12/2008 đến ngày 28/02/2011, bị cáo Lâm Điền Ph1 giữ chức danh cán bộ địa chính xã CL, bị cáo Bùi Thanh Ph giữ chức vụ chủ tịch UBND xã CL, chủ tịch Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã CL đã thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ, cụ thể bị cáo Lâm Điền Ph1 khi xác lập 10 bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của 08 hộ gia đình chỉ căn cứ vào đơn tự kê khai diện tích đất sử dụng của dân, không kiểm tra thực địa, xác minh nguồn gốc sử dụng đất, lồng ghép bản đồ lâm nghiệp đã ký xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của 08 hộ dân nêu trên; bị cáo Bùi Thanh Ph thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi kiểm tra tính pháp lý của các hồ sơ do cán bộ địa chính xã xác lập đã ký xác nhận 11 hồ sơ của 09 hộ dân (trong đó có 01 hồ sơ không được thông qua Hội đồng tư vấn hợp xét) để đề nghị UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 98.677 m<sup>2</sup> thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã CL gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 424.073.200 đồng.

[3] Đối với Võ Đông Ph2 (cán bộ địa chính xã CL) không tiến hành kiểm tra, xác minh để làm rõ quá trình quản lý sử dụng đất, trước khi xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đã xác nhận đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái quy định cho ông Võ Đình H là 2.535,6m<sup>2</sup>, loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, tuy nhiên thiệt hại 17.749.200 đồng nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

[4] Do vậy, có căn cứ xác định Bùi Thanh Ph, Lâm Điền Ph1 và Võ Đông Ph đã thực hiện hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho nhà nước nên phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhà nước với tổng số thiệt hại là 424.073.200 đồng theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật dân sự. Về trách nhiệm bồi thường cụ thể, hội đồng xét xử xem xét như sau:

- Tại phiên tòa, ông Bùi Thanh Ph đồng ý bồi thường số tiền 211.920.000 đồng, khấu trừ vào số tiền ông đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C nên ghi nhận.

- Ông Võ Đông Ph tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trước đó đều thống nhất mức bồi thường. Do vậy, cần ghi nhận việc bồi thường của ông Ph là 9.000.000 đồng cho nhà nước.

- Ông Lâm Điền Ph1 là người có trách nhiệm chính trong việc thực hiện xác lập 10 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gây ra thiệt hại cho nhà nước. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án trước đó cũng có ý kiến

tự nguyện đồng ý bồi thường 203.162.000 đồng. Do vậy, nên buộc ông Ph1 bồi thường 203.162.000 đồng, **đã bồi thường 100.000.000 đồng và tiếp tục bồi thường 103.162.000 đồng vào ngày 18/10/2019 (sau khi Tòa án nhân dân Thành phố C phát hành bản án số 42/2019/HSST ngày 12/9/2019) nên ông Ph đã nộp đủ tiền bồi thường.**

[5] Ngày 08/5/2015, UBND Thành phố C đã ban hành các quyết định hủy các giấy chứng nhận đã cấp cho 09 hộ dân của các ông bà: Nguyễn Đình A và bà Nguyễn Thị Trang Nh, Võ Đình Hvà bà Nguyễn Thị T, Hồ Văn S và bà Nguyễn Thị N, Ngô Quốc A và bà Hồ Thị L, Ngô Minh Ch và bà Hồ Thị Ch, Bùi Thanh T và bà Hồ Thị T, Võ A và bà Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị R, Trương B và bà Nguyễn Thị Nh. Tuy nhiên, có 07 hộ dân đã tiến hành sang nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Do vậy, nếu có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc chuyển nhượng sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện.

[6] **Về án phí: Ông Lâm Điền Ph1 phải nộp 5.158.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền đã nộp tạm thu, ông Phúc đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.**

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 48 Bộ luật hình sự;
- Điều 589 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về trách nhiệm dân sự:**

- Ông Bùi Thanh Ph phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 211.920.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng*) để bồi thường thiệt hại, được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 211.920.000 đồng theo các biên lai thu tiền số AA/2010/0005064 ngày **25/02/2019** và số AA/2010/0005068 ngày 20/3/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Ph đã nộp đủ tiền bồi thường.

- Ông Võ Đông Ph2 phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 9.000.000 đồng (*bằng chữ: Chín triệu đồng*) để bồi thường thiệt hại, được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0005067 ngày 14/3/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Ph2 đã nộp đủ tiền bồi thường.



- Ông Lâm Điền Ph1 phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 203.162.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) để bồi thường thiệt hại, được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 203.162.000 đồng theo các biên lai thu tiền số AA/2010/0005069 ngày 20/3/2019, số AA/2010/0005066 ngày 14/3/2019 và số AA/2010/0005223 ngày 16/10/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Lâm Điền Ph1 đã nộp đủ tiền bồi thường.

**2. Về án phí:** Ông Lâm Điền Ph1 phải nộp 5.158.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm thu án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2010/0005224 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C, ông Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa.
- VKSND tỉnh Khánh Hòa.
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP. C.
- Chi cục THADS TP. C.
- Công an TP. C.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hiếu**